TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16/01/2023
V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa chị T và anh Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu; Bà Lê Thị Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Anh Hà Văn Q, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn CĐ, xã TP, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Hà Văn Q ngày 18/3/2021 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tri Phương, huyện Tiên Du,

tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị và anh Q chung sống với nhau trên nhà đất của bố mẹ chị tại thôn CĐ, xã TP, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

Trước khi chị kết hôn với anh Q thì chị và anh Q đều đã ly hôn và có con riêng. Do vậy, sau khi về chung sống với anh Q thì vợ chồng chị có sống chung cùng con riêng của chị và con riêng của anh Q nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con chung, con riêng. Khi chị dạy bảo con riêng của anh Q không nghe lời, anh Q lại bênh con riêng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn chửi bới nhau. Không những thế, anh Q luôn đào bới quá khứ của chị, gọi điện thoại cho gia đình chồng cũ của chị chửi bới, không cho họ liên lạc với con riêng của chị. Anh Q thường xuyên nói xấu, xúc phạm danh dự của chị với họ hàng, làng xóm xung quanh. Chị có khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q vẫn chứng nào tật nấy khiến chị cảm thấy vô cùng tủi nhục. Đến tháng 9/2022, vợ chồng chị lại tiếp tục cãi nhau thì con riêng anh Q chửi bới chị và con riêng của chị cũng chửi bới anh Q. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Thời gian vợ chồng ly thân anh Q cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ với nhau mà còn thách thức chị làm thủ tục ly hôn. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Q được vì không còn tình cảm, chị đề nghị được ly hôn với anh Q .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị Bích N, sinh ngày 12/4/2021 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2021. Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng 02 con chung. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, chị làm công nhân tại công ty SE tại Khu công nghiệp TS, xã HS, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập bình quân 6.000.000đ.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài nội dung trên chị không yêu cầu gì khác.

**Bị đơn là anh Hà Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của anh Hà Văn Q có trong hồ sơ vụ án anh Hà Văn Q trình bày:* Anh xác nhận một phần lời khai của chị T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn.

Theo anh Q, quá trình chung sống, trước khi chị kết hôn với anh Q thì chị và anh Q đều đã ly hôn và có con riêng. Do vậy, sau khi anh về chung sống với chị T có sống chung cùng con riêng của anh và chị T nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Khi anh bảo ban con riêng của chị T không nghe lời, chị T lại bênh con riêng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn chửi bới nhau. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì gia đình chị T không hòa giải cho vợ chồng anh mà còn đồng ý việc chị T làm đơn xin ly hôn anh. Đến tháng 9/2022, vợ chồng anh lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn cãi nhau thì con riêng chị T chửi bới anh nên anh có tát con riêng của chị T và con riêng của anh cũng chửi bới chị T. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T và vì các con còn quá nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị Bích N, sinh ngày 12/4/2021 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2021. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ thể hiện, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Về con chung chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hà Thị Bích N, sinh ngày 12/4/2021 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2021, việc cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết. Hiện tại, chị làm công nhân tại công ty SE tại Khu công nghiệp TS, xã HS, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh, mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Phía bị đơn là anh Hà Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hà Văn Q.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hà Thị Bích N, sinh ngày 12/4/2021 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết. Chị T, anh Q được quyền thăm nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị T làm đơn xin ly hôn anh Hà Văn Q nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Hà Văn Q đang cư trú trên địa bàn huyện TD nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/12/2022, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng anh Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi đương sự, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2022 ấn định lịch xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 16/01/2023. Tại phiên tòa ngày 16/01/2023, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Q là phù hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung:

* Yêu cầu xin ly hôn: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Hà Văn Q ngày 18/3/2021 đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây

là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con chung, con riêng. Không những thế, anh Q còn luôn đào bới quá khứ của chị, thường xuyên nói xấu, xúc phạm danh dự của chị. Chị có khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q vẫn chứng nào tật nấy khiến chị cảm thấy vô cùng tủi nhục; anh Q không đồng ý ly hôn mà mong muốn chị T quay về vì các con còn quá nhỏ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh Q không đồng ý ly hôn với chị T nhưng cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Điều này đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đến nay là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài được, hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức. Chị T làm đơn xin ly hôn anh Q là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị Bích N, sinh ngày 12/4/2021 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2021. Khi ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q vắng mặt tại phiên Tòa.

Xét thấy: Chị T đang làm công nhân tại công ty SE tại Khu công nghiệp TS, xã HS, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng. Trong khi đó cháu Hà Thị Bích N, sinh ngày 12/4/2021 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2021 hiện tại chưa được 36 tháng tuổi. Để đảm bảo mọi quyền lợi cho con cần chấp nhận giao cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Hà Thị Bích N, sinh ngày 12/4/2021 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2021 là phù hợp với pháp luật và thực tế. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị T, anh Q được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

Tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị T, anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 227, 228, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269, 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hà Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hà Thị Bích N, sinh ngày 12/4/2021 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2021, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Chị T, anh Q được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lại thu tiền số AA/2021/0002227 ngày 19/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Quyền kháng cáo: Chị T, anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống được đạt bản án vắng mặt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận: **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã Tri Phương, huyện Tiên Du;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN VĂN QUANG